

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN QUAN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2019/HNGĐ-ST

Ngày 27-5-2019

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN QUAN, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Duy

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đàm Thị Liên

Ông Hoàng Tiến Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lục Quỳnh Trâm – Thư ký Toà án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Vi Doanh Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 17/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Triệu Văn N. Địa chỉ: Thôn T, xã Y, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- Bị đơn: Chị Phùng Thị H. Địa chỉ: Thôn T, xã Y, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- Người làm chứng: Bà Nông Thị H1. Địa chỉ: Thôn T1, xã Y1, huyện V1, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01/3/2019, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn anh Triệu Văn N trình bày như sau: Anh và chị Phùng Thị H kết hôn năm 2013, trước khi kết hôn không được tìm hiểu nhau, nhưng tự nguyện tiến tới hôn nhân, đến tháng 11 năm 2014 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi kết hôn, trong quá trình chung sống vợ chồng có

nhiều mâu thuẫn do tính cách không hợp nhau nên không nói chuyện với nhau, lâu dần giữa hai vợ chồng không có tình cảm, không còn quan tâm đến nhau. Vợ chồng anh đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay. Nay anh Triệu Văn N xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Phùng Thị H.

Về con chung: Vợ chồng anh có 01 (một) con chung tên là Triệu Minh Q, sinh ngày 13/3/2015, khi ly hôn anh nhất trí để con cho chị Phùng Thị H nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, anh có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng theo tháng.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn chị Phùng Thị H trình bày: Sau một thời gian tìm hiểu, chị và anh Triệu Văn N tự nguyện kết hôn với nhau, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán từ ngày 20/3/2013, đến tháng 11 năm 2014 đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi kết hôn trong quá trình chung sống đến tháng 3 năm 2015 chị sinh con, trong thời gian này anh Triệu Văn N có biểu hiện ngoại tình với người phụ nữ khác, chị đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh Triệu Văn N vẫn không thay đổi cho đến nay. Nay anh Triệu Văn N yêu cầu ly hôn chị không đồng ý, chị xác định vẫn còn tình cảm với anh Triệu Văn N, chị mong muốn gia đình được đoàn tụ để con có thể phát triển một cách toàn diện nhất.

Về con chung: Chị và anh Triệu Văn N có 01 (một) con chung như anh Triệu Văn N đã trình bày, hiện nay con đang ở cùng anh Triệu Văn N và ông bà nội. Trong trường hợp vợ chồng ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con và yêu cầu anh Triệu Văn N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng theo tháng.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Tòa án đã tổ chức hòa giải cho các đương sự nhưng các đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm của mình.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Thẩm phán đã chấp hành theo quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự về thủ lý vụ án, tiến hành lập hồ sơ, xác định quan hệ pháp luật, tiến hành thu thập chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu theo đúng quy định. Hội đồng xét xử đảm bảo đúng thành phần, tuân thủ nguyên tắc xét xử, trình tự, thủ tục phiên tòa. Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ về thủ tục phiên tòa, ghi chép diễn biến phiên tòa theo quy định tại Điều 51 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn và người làm chứng đã chấp hành, thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71, 72, 78 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Triệu Văn N.

Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa anh Triệu Văn N và chị Phùng Thị H. Giao cháu Triệu Minh Q, sinh ngày 13/3/2015 cho chị Phùng Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi. Anh Triệu Văn N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng theo tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không đề cập xem xét.

Buộc nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, ý kiến của nguyên đơn, bị đơn, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Anh Triệu Văn N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn, vì vậy xác định quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chị Phùng Thị H có hộ khẩu thường trú tại Thôn T, xã Y, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Do đó, căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn.

[3] Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo và triệu tập các đương sự yêu cầu viết bản tự khai và lấy lời khai đương sự, cung cấp tài liệu chứng cứ và tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, bị đơn và người làm chứng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 78 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung vụ án: Quan hệ hôn nhân giữa anh Triệu Văn N và chị Phùng Thị H là hợp pháp, được xây dựng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi kết hôn, thời gian đầu tình cảm vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm. Từ năm 2015 vợ chồng tuy sống trong một gia đình, nhưng đã sống ly thân, không còn quan tâm đến công việc, cuộc sống của nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, chị Phùng Thị H yêu cầu vợ chồng đoàn tụ nhưng cũng không đưa ra được biện pháp nào để khắc phục những mâu thuẫn giữa chị và anh Triệu Văn N. Theo biên bản xác minh tại nơi cư trú của hai vợ chồng thể hiện cuộc sống chung giữa chị Phùng Thị H và anh Triệu Văn N không có tình cảm, không hạnh phúc. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa anh Triệu Văn N và chị Phùng Thị H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của anh Triệu Văn N đưa ra là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về con chung: Anh Triệu Văn N và chị Phùng Thị H có 01 (một) con chung là Triệu Minh Q, sinh ngày 13/3/2015, hiện cháu đang ở với anh Triệu Văn N. Khi ly hôn, anh Triệu Văn N đồng ý để chị Phùng Thị H nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Triệu Minh Q và anh Triệu Văn N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng theo tháng. Tại phiên tòa chị Phùng Thị H đề nghị trong trường hợp vợ chồng ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Triệu Minh Q và yêu cầu anh Triệu Văn N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng, cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử xét thấy, việc thỏa thuận giữa các đương sự về người trực tiếp nuôi con khi ly hôn giữa anh Triệu Văn N và chị Phùng Thị H là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Do vậy cần công nhận sự thỏa thuận này giao cháu Triệu Minh Q cho chị Phùng Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, anh Triệu Văn N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu Triệu Minh Q đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng theo tháng. Anh Triệu Văn N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc anh Triệu Văn N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng.

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a, khoản 5, điểm a, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Triệu Văn N được ly hôn với chị Phùng Thị H.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự chị Phùng Thị H được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Triệu Minh Q, sinh

ngày 13/3/2015 đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh Triệu Văn N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng (một triệu đồng) cho đến khi cháu Triệu Minh Q đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng theo tháng, thời điểm bắt đầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (27/5/2019). Anh Triệu Văn N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Anh Triệu Văn N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng. Xác nhận anh Triệu Văn N đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2012/03889 ngày 04 tháng 3 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn. Anh Triệu Văn N còn phải nộp tiếp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Anh Triệu Văn N và chị Phùng Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn;
- UBND xã Y, huyện V, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Hoàng Văn Duy

